

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 658/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16/5/2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thiệu Liên;
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: bà Lương Châu Nguyệt Thiện - Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Tĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 112/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà P.T.T, sinh năm: 1980

Địa chỉ thường trú: Phường A, quận B, thành phố C

Chỗ ở hiện nay: Phường X, quận Y, thành phố Z.

Bà T có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: ông N.C.C, sinh năm: 1966

Địa chỉ thường trú: Phường A, quận B, thành phố C

Chỗ ở hiện nay: phường K, quận M, thành phố L .

Ông C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn của bà P.T.T và bản tự khai của các đương sự tại Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn bà P.T.T trình bày: vợ chồng bà quen biết nhau năm 2000, năm 2002 tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 40/2002, quyển số 01, ngày 18/02/2002 tại Ủy ban nhân dân Phường 18, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Hai bên chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do Ông C gây nợ nần bên ngoài và bà đã trả nợ thay cho Ông C nhiều lần. Bà và Ông C thường xuyên cãi vã nhau, Ông C còn đe dọa bà và hai con khiến cho gia đình bà luôn trong trạng thái căng thẳng, mệt mỏi. Bà và Ông C đã nhiều lần hòa giải hàn gắn nhưng không thành nên từ năm 2018 cho đến nay bà và Ông C sống ly thân với nhau. Nay do tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.C.C.

- Về con chung: có 02 con chung tên N.C.T.T.N, sinh ngày 30/4/2003 (đã trưởng thành) và N.H.B.M.N, sinh ngày 13/8/2006. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ N.H.B.M.N và không yêu cầu Ông C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: bà xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: bà xác nhận không có.

Bị đơn ông N.C.C trình bày: ông xác nhận thời gian chung sống, đăng ký kết hôn đúng như lời trình bày của bà P.T.T. Tuy nhiên theo ông, vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do cuộc sống khó khăn nên phát sinh ít mâu thuẫn nhỏ nhưng không đến mức phải ly hôn. Ông và Bà Tsống riêng với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Nay ông còn thương vợ con nên ông yêu cầu được đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau chăm lo cho con cái.

Về con chung: có 02 con chung tên N.C.T.T.N, sinh ngày 30/4/2003 (đã trưởng thành) và N.H.B.M.N, sinh ngày 13/8/2006.

Nếu Tòa án cho vợ chồng ông ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ N.H.B.M.N và không yêu cầu Bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: ông xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: ông xác nhận không có.

Vụ án được Tòa án hòa giải nhưng không thành. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và cùng có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P.T.T. Về con chung: giao con chung tên N.H.B.M.N cho bà P.T.T nuôi dưỡng. Ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: bà Tuyền, Ông C không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét qua đơn xin ly hôn của bà P.T.T, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn”. Bị đơn ông N.C.C có nơi cư trú tại phường K, quận M, thành phố L. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa, bà P.T.T, ông N.C.C có đơn xin vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Tuyền, Ông C là phù hợp.

[4] Về nội dung: căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 40/2002, quyền số 01, ngày 18/02/2002 tại Ủy ban nhân dân Phường 18, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cùng lời khai của nguyên đơn, bị đơn về việc tự nguyện kết hôn nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Tuyền, Ông C là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn bà P.T.T đối với ông N.C.C. Qua lời trình bày của nguyên đơn thì trong quá trình chung sống, vợ chồng bà Tuyền, Ông C đã phát sinh mâu thuẫn trong một thời gian dài. Nguyên nhân mâu thuẫn theo lời trình bày của Bà T là do Ông C gây nợ nần bên ngoài và bà đã trả nợ thay cho Ông C nhiều lần. Bà và Ông C thường xuyên cãi vã nhau, Ông C còn đe dọa bà

và hai con khiến cho gia đình bà luôn trong trạng thái căng thẳng mệt mỏi. Bà và Ông C đã nhiều lần hòa giải hàn gắn nhưng không thành nên từ năm 2018 cho đến nay bà và Ông C sống ly thân với nhau. Bị đơn cũng thừa nhận mâu thuẫn của vợ chồng là do cuộc sống khó khăn nên phát sinh mâu thuẫn nhỏ. Ông C và Bà T sống ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Ông C xác định hiện nay vẫn còn tình cảm và rất yêu thương Bà T nên mong muốn được đoàn tụ. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải “có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”. Nhận thấy, xuất phát từ sự thiếu tin tưởng, tôn trọng nhau mà cuộc sống hôn nhân của Bà T và Ông C đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Như vậy, quan hệ hôn nhân của ông bà không đảm bảo được “tình nghĩa vợ chồng” như Luật Hôn nhân và gia đình đã quy định. Ông C tuy có yêu cầu đoàn tụ nhưng không đưa ra được phương án hàn gắn tình cảm vợ chồng, hóa giải những mâu thuẫn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T, Ông C đã trầm trọng, không còn khả năng để hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay Bà T yêu cầu được ly hôn với ông C, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tuyền.

[6] Về con chung: có 02 con chung tên N.C.T.T.N, sinh ngày 30/4/2003 (đã trưởng thành) và N.H.B.M.N , sinh ngày 13/8/2006. Bà T, Ông C đều có nguyện vọng được nuôi con tên N.H.B.M.N và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là trách nhiệm của cả cha và mẹ nhưng phải dựa trên cơ sở đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cái. Cả bà T, Ông C đều có công việc, có thu nhập, có nơi ở ổn định. Tuy nhiên, đối với trẻ N.H.B.M.N hiện đang sống ổn định cùng mẹ, trẻ N là con gái rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Hiện nay, trẻ N sống cùng Bà T vẫn đảm bảo phát triển tốt mọi mặt về thể lực, trí lực, đồng thời trẻ N cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Do đó, vì quyền lợi của con cái cũng như xét đến sự phát triển tâm sinh lý của trẻ, căn cứ theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử giao trẻ N.H.B.M.N cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[7] Về tài sản chung: bà T, Ông C cùng xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về nợ chung: bà T, Ông C cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[10] Về án phí: bà P.T.T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P.T.T đối với ông N.C.C.

Về quan hệ hôn nhân: bà P.T.T được ly hôn với ông N.C.C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 40/2002, quyển số 01, ngày 18/02/2002 tại Ủy ban nhân dân Phường 18, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà P.T.T và ông N.C.C không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: có 02 con chung tên N.C.T.T.N, sinh ngày 30/4/2003 (đã trưởng thành) và N.H.B.M.N, sinh ngày 13/8/2006.

Giao con chung tên N.H.B.M.N cho bà P.T.T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu Ông C cấp dưỡng nuôi con.

Ông N.C.C có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, sau này bà T, Ông C đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: bà T, Ông C cùng xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về nợ chung: bà T, Ông C cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí: bà P.T.T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà P.T.T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0036583 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P.T.T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiếu

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiếu

